

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022;

Căn cứ Quyết định số 4141/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đầu tư xây dựng Cụm Công nghiệp Tượng Lĩnh, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư và xây dựng 36;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 61/XD36-CCNTL ngày 26/6/2025 và số 68/XD36 ngày 19/8/2025 của Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư và xây dựng 36 về đề nghị cấp giấy phép môi trường dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm Công nghiệp Tượng Lĩnh, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 1) tại xã Tượng Lĩnh và xã Thăng Bình, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1117/TTr-SNNMT ngày 29/8/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư và Xây dựng 36 (địa chỉ tại: Thôn Tiên Thành, xã Hoàng Lộc, tỉnh Thanh Hoá) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Tượng Lĩnh, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 1) tại xã Tượng Lĩnh và xã Thăng Bình, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Tượng Lĩnh, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa (Giai đoạn 1).

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Tượng Lĩnh và xã Thăng Bình, tỉnh Thanh Hoá.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 2801687927, đăng ký lần đầu ngày 18/05/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 09/10/2024 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hoá cấp.

1.4. Mã số thuế: 2801687927.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng và Kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp, gồm các ngành: Cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng; chế biến nông, lâm sản; sản xuất máy móc thiết bị nông, lâm nghiệp; sản xuất hàng tiêu dùng; thuốc tân dược, sản xuất phân bón, may mặc, da giày; các dự án điện, điện tử, viễn thông, điện lạnh và các ngành nghề khác có liên quan. Được phân loại theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, như sau:

Tên ngành, nghề được thu hút đầu tư	Mã ngành kinh tế Việt Nam				
	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại				2592	
Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ				2012	20120
Sản xuất, chế biến thực phẩm	C	10			
Chế biến và bảo quản rau quả			103	1030	
Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa			105	1050	10500
Xay xát và sản xuất bột			106		
Sản xuất các loại bánh từ bột			107	1071	10710
Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo				1073	10730
Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự				1074	10740
Sản xuất đồ uống	C	11			
Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng			110	1104	
Dệt (không có công đoạn nhuộm)	C	13			

Sản xuất sợi, vải dệt thoi và hoàn thiện sản phẩm dệt			131		
Sản xuất các sản phẩm được tạo ra từ vải dệt khác chưa được phân vào đâu			139		
Sản xuất trang phục (không có công đoạn nhuộm)	C	14			
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan (không có công đoạn thuộc da)	C	15			
Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm			151	1512	
Sản xuất giày, dép các loại			152	1520	15200
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	C	16			
Sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện			162		
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (không bao gồm công đoạn sản xuất giấy từ gỗ, bột giấy và giấy tái chế, ...)	C	17			
Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa			170	1702	
Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu				1709	17090
Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	C	21			
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	C	25			
Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và nồi hơi			251		

Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng			259	2593	25930
Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu				2599	
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (không có công đoạn mạ, xi mạ; phủ màu bằng sơn hoặc hóa chất; làm sạch bằng hóa chất độc)	C	26			
Sản xuất linh kiện điện tử			261	2610	26100
Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính			262	2620	26200
Sản xuất thiết bị truyền thông			263	2630	26300
Sản phẩm điện tử dân dụng			264	2640	26400
Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra			265	2651	26510
Sản xuất thiết bị điện (không có công đoạn mạ, xi mạ; phủ màu bằng sơn hoặc hóa chất; làm sạch bằng hóa chất độc)	C	27			
Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện			271	2710	
Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng			274	2740	27400
Sản xuất thiết bị điện khác			279	2790	27900
Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	C	28			
Sản xuất máy thông dụng			281		
Sản xuất máy chuyên dụng			282		
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	C	31	310	3100	
Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	C	32			

Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	C	33			
Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét				2392	
Sản xuất đồ chơi, trò chơi				3240	

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích: 46,44 ha.
- + Phần diện tích đã hoàn thành hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường: 19,8 ha.
- + Phần diện tích sẽ tiếp tục thực hiện hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường: 26,64 ha.

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường nhóm II, đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải sau xử lý ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư và xây dựng 36:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư và xây dựng 36 có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải

theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm.**

(từ ngày 10 tháng 9 năm 2025 đến ngày 10 tháng 9 năm 2035).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND xã Tượng Lĩnh, UBND xã Thăng Bình và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND các xã: Tượng Lĩnh, Thăng Bình;
- Công ty CP Tập đoàn đầu tư và xây dựng 36;
- Lưu: VT, NNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh của khu nhà điều hành;
- Nguồn số 02: Nước thải nhà ăn từ khu nhà bếp của khu nhà điều hành;
- Nguồn số 03: Nước thải từ các doanh nghiệp thứ cấp (gồm: nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất).

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh tiêu nhánh chính 1 phía Nam dự án thuộc địa phận xã Thăng Bình.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Kênh tiêu nhánh chính 1 phía Nam dự án thuộc địa phận xã Thăng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2166921.7168 (m), Y = 573155.7080 (m) (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, có sàn công tác diện tích tối thiểu là 01 m² và có lối đi thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 750 m³/ngày.đêm (31,25 m³/giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý tập trung được dẫn qua bể khử trùng trước khi tự chảy vào kênh tiêu nhánh chính 1 phía Nam dự án.

- Hình thức xả: Tự chảy (xả mặt, xả ven bờ).

2.3.2. Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày, thời gian xả liên tục trong năm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B), lưu lượng xả thải ≤ 2.000 m³/ngày (24 giờ), cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	0C	≤40	Được miễn quan	Thực hiện quan trắc tự
2	pH	-	6-9		
3	TSS	mg/l	≤80		

4	COD	mg/l	≤ 90	trắc định kỳ	động, liên tục
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	≤ 10		
6	Lưu lượng	m ³ /giờ	-		
7	BOD ₅	mg/l	≤ 60	03 tháng/lần	Không yêu cầu
8	Độ màu	Pt/Co	≤ 100		
9	Sunfua (S ₂ -)	mg/l	$\leq 0,5$		
10	Clo dư	mg/l	≤ 2		
11	As	mg/l	$\leq 0,25$		
12	Hg	mg/l	$\leq 0,005$		
13	Pb	mg/l	$\leq 0,5$		
14	Cd	mg/l	$\leq 0,1$		
15	Mn	mg/l	≤ 10		
16	Tổng N (theo N)	mg/l	≤ 40		
17	Tổng P (theo P)	mg/l	≤ 14		
18	Dầu mỡ khoáng	mg/l	$\leq 5,0$		
19	Coliform	Vi khuẩn/100 ml	≤ 5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn nước thải đưa về hệ thống xử lý.

- Nguồn số 01: Sau khi xử lý cục bộ qua bể tự hoại (tại khu vực nhà điều hành) được đầu nối vào hệ thống thu gom bằng hệ thống đường ống HDPE, D400 về Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 750 m³/ngày.đêm.

- Nguồn số 02: Sau khi xử lý cục bộ qua bể tách dầu mỡ (tại khu vực bếp ăn thuộc khu nhà điều hành) được đầu nối vào hệ thống bằng hệ thống đường ống HDPE, D400 về Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 750 m³/ngày.đêm.

- Nguồn số 03: Sau khi xử lý sơ bộ tại các doanh nghiệp thứ cấp đạt tiêu chuẩn đầu nối nước thải đầu vào của cụm công nghiệp thì được đầu nối vào hệ thống bằng đường ống HDPE, D400 về Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 750 m³/ngày.đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải thu gom từ sinh hoạt và sản xuất → Bể gom tổng → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng I → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng II → Bể khử trùng → Trạm quan trắc online → Đường ống HDPE, D600 → Kênh tiêu nhánh chính 1 phía Nam dự án thuộc địa phận xã Thăng Bình.

- Công suất thiết kế: 750 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: H₂SO₄, NaOH, NaOCl, Na₂S, PAC, Polyme (hoặc các hóa chất tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2 phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Tại kênh hở dẫn nước thải sau khi xử lý, trước khi chảy vào Kênh tiêu nhánh chính 1 phía Nam dự án thuộc địa phận xã Thăng Bình.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào, ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.

- Camera theo dõi: 01 bộ. Lắp đặt trước khi dự án đi vào vận hành thử nghiệm.

- Kết nối, truyền số liệu: Trước khi đi vào vận hành thử nghiệm Chủ dự án phải hoàn thành việc lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra, xác nhận.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố:

- Đầu tư xây dựng 01 hồ sự cố đáy lót bạt HDPE, vị trí nằm trong khuôn viên khu đất của Trạm xử lý nước thải có tổng dung tích chứa 3.575 m³ đảm bảo chống thấm, dung tích chứa nước thải tối thiểu 02 ngày khi có sự cố xảy ra.

- Lắp đặt và vận hành hệ thống thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải (XLNT) tập trung theo đúng quy trình kỹ thuật; kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị của các hệ thống xử lý nước thải; lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành các hệ thống xử lý nước thải; bố trí thiết bị dự phòng để kịp thời thay thế trong trường hợp cần thiết.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống XLNT tại khu vực xử lý.

1.4.2. Biện pháp phòng ứng phó sự cố:

- Trường hợp hệ thống XLNT tập trung bị sự cố hoặc nước thải sau xử lý

vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép thông qua việc kiểm soát bằng hệ thống quan trắc tự động, liên tục, nước thải được dẫn về hồ sự cố có dung tích chứa 3.575 m³ để lưu chứa. Sau khi đã khắc phục xong sự cố của hệ thống XLNT tập trung, vận hành lại hệ thống bình thường.

- Trường hợp chất lượng nước thải đầu vào vượt quá giới hạn tiếp nhận, sẽ ngừng tiếp nhận và đóng van đầu nổi, không xả nước thải vượt tiêu chuẩn đầu nổi vào hệ thống thu gom của Cụm công nghiệp Tượng Lĩnh.

- Trường hợp lưu lượng nước thải đầu vào lớn hơn công suất thiết kế: Xác định doanh nghiệp xả nước thải với lưu lượng lớn, vượt công suất đã đăng ký; yêu cầu doanh nghiệp đó điều chỉnh lưu lượng xả nước thải, đảm bảo công suất thiết kế của trạm XLNT tập trung của cụm công nghiệp. Đồng thời, Công ty tiến hành xây dựng module còn lại của hệ thống XLNT để nâng công suất hệ thống XLNT và đảm bảo xử lý toàn bộ nước thải của các doanh nghiệp.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát nước thải sau xử lý; bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống XLNT tập trung, ứng phó sự cố.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống XLNT tập trung.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát, nạo vét hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào của Trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Tượng Lĩnh:

Chất lượng nước thải của các đơn vị, doanh nghiệp, nhà đầu tư thứ cấp trước khi đầu nổi vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Tượng Lĩnh phải đáp ứng giá trị tiêu chuẩn nước thải đầu vào và đạt QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột C), lưu lượng xả thải $\leq 2.000\text{m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ), cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép
1	Nhiệt độ	°C	≤ 40
2	pH	-	6-9
3	TSS	mg/l	≤ 120
4	COD	mg/l	≤ 130
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	≤ 12

6	Lưu lượng	m ³ /giờ	-
7	BOD ₅	mg/l	≤80
8	Độ màu	Pt/Co	≤150
9	Sunfua (S2-)	mg/l	≤1,0
10	Clo dư	mg/l	≤2,0
11	As	mg/l	≤0,25
12	Hg	mg/l	≤0,005
13	Pb	mg/l	≤0,5
14	Cd	mg/l	≤0,1
15	Mn	mg/l	≤10
16	Tổng N (theo N)	mg/l	≤60
17	Tổng P (theo P)	mg/l	≤18
18	Dầu mỡ khoáng	mg/l	≤5,0
19	Coliform	Vi khuẩn/100ml	≤5.000

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống XLNT tập trung, công suất thiết kế 750 m³/ngày (24 giờ).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

Vị trí lấy mẫu: 02 điểm (01 điểm tại bể gom nước thải đầu vào và 01 điểm tại vị trí xả nước thải sau xử lý qua bể khử trùng trước khi chảy vào kênh tiêu nhánh chính 1 phía Nam dự án).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 07/2025/TT-BTNMT), cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Tối thiểu là 15 ngày/lần trong ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất là 01 ngày/lần, trong ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả (giai đoạn ổn định).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom và thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, xử lý và xả nước thải sau xử lý. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải sau xử lý phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường. Có quy trình kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước thải đầu ra của các doanh nghiệp thứ cấp trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của CCN.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư và xây dựng 36 có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa trong thời hạn ít nhất 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng nước thải đầu vào, đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; lượng và loại hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành được lưu giữ tối đa 02 năm.

3.6. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Nông nghiệp và Môi trường và hoàn thành đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm của Hệ thống xử lý nước thải tập trung. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài

nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

3.7. Lập kế hoạch xây dựng các mô-đun tiếp theo của Hệ thống xử lý nước thải tập trung, đảm bảo quy mô công suất phù hợp với tiến độ lắp đầy, hoạt động của các cơ sở trong giai đoạn trước mắt và tình hình thu hút, tiếp nhận các dự án mới, dự án mở rộng quy mô, nâng công suất của cơ sở đang hoạt động trong tương lai. Chủ dự án phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp lại Giấy phép môi trường khi có thay đổi tăng công suất Hệ thống xử lý nước thải tập trung hiện hữu; chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp lại giấy phép môi trường.

3.8. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực; thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.9. Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư và xây dựng 36 chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và các cơ quan chức năng khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

PHỤ LỤC 2

BẢO ĐẢM CÁC GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Phòng đặt máy thổi khí, máy bơm của trạm xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Xã Thăng Bình, tỉnh Thanh Hóa với tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°, múi chiều 3°): X = 2168913.1711 (m), Y = 572035.5946 (m).

- Nguồn số 2: Xã Thăng Bình, tỉnh Thanh Hóa với tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°, múi chiều 3°): X = 2168739.2441 (m), Y = 572184.8590 (m).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Chủ dự án phải kiểm tra định kỳ độ cân bằng của các máy móc và tình trạng mài mòn của các chi tiết đảm bảo máy vận hành ổn định, giảm tiếng ồn do

sự va đập hoặc rung động không mong muốn.

1.2. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên vận hành máy móc, thiết bị của dự án.

1.3. Trong khuôn viên được trồng cây xanh, bồn hoa, cây cảnh không những tăng tính thẩm mỹ cho khu vực dự án, tạo cảm giác dịu êm mà còn có tác dụng rất lớn trong việc hút bụi, lọc không khí, giảm và ngăn chặn tiếng ồn, giảm bức xạ nhiệt.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

PHỤ LỤC 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Dầu nhớt thải	17 02 04	20
2	Giẻ lau, bao tay, bao nylon, thùng nhựa dính dầu nhớt, hóa chất	18 02 01	20
3	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	10
4	Than hoạt tính thải bỏ	12 10 04	200
5	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung	07 05 03	1.500
Tổng khối lượng			1.750

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng dự kiến phát sinh
1	Bùn thải từ trạm xử lý nước sạch không chứa các thành phần nguy hại vượt ngưỡng CTNH	1.500 kg/năm
2	Vật liệu lọc của Trạm xử lý nước sạch, nước thải (cát Mangan; sỏi, cát thạch anh) thay thế, thải bỏ	1.000 kg/năm
Tổng khối lượng		2.500 kg/năm

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh dự kiến (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	3,65
Tổng khối lượng		3,65

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại: Diện tích 6,0 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Tường xây gạch, mái lợp tôn, tường bao quanh, nền bê tông; hố ga thu gom, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Khu vực lưu chứa: Diện tích thiết kế 6,0 m² .

- Thiết kế, cấu tạo: Tường xây gạch, mái lợp tôn, sàn bê tông, cửa tôn khép kín đảm bảo không bị mưa nắng thâm nhập, đủ độ bền chịu được tải trọng của phương tiện vận chuyển và lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường lưu giữ.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Chất thải rắn sinh hoạt được lưu chứa vào thùng đựng có nắp đậy và bao bì.

- Thùng đựng và bao bì chứa được để tại các vị trí thuận lợi cho việc thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường;

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

PHỤ LỤC 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN SAU KHI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN THI CÔNG DỰ ÁN:

1. Đã hoàn thành hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường của phần diện tích 19,8 ha trên tổng diện tích 46,44 ha của Dự án “Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Tượng Lĩnh, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa” (giai đoạn 1) tại xã Tượng Lĩnh và xã Thăng Bình, tỉnh Thanh Hóa (*theo Quyết định số 4141/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án*).

2. Các nội dung tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 4141/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án (hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường, công trình bảo vệ môi trường của phần diện tích còn lại), cụ thể:

2.1. Các hạng mục công trình về cơ sở hạ tầng: Hoạt động san nền; hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng bao gồm: hệ thống điện - chiếu sáng; hệ thống thông tin liên lạc; hệ thống đường giao thông; hệ thống cấp nước; Thực hiện phân khu chức năng trong cụm công nghiệp như đã được phê duyệt đảm bảo tỉ lệ cây xanh theo đúng quy định.

2.2. Các công trình bảo vệ môi trường: Tiếp tục xây dựng hệ thống thu gom nước mưa, hệ thống thu gom nước thải trên phần diện tích đất còn lại của Dự án; xây dựng module số 2 của Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 750 m³/ngày.đêm.

2.3. Thực hiện công tác bảo vệ môi trường và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng các phần diện tích đất còn lại của Dự án.

3. Sau khi hoàn thành các hạng mục hạ tầng kỹ thuật và công trình bảo vệ môi trường giai đoạn 2, Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư và xây dựng 36 có trách nhiệm báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường để được xem xét, cấp Giấy phép môi trường cho toàn bộ dự án theo quy định của pháp luật.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP), Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 07/2025/TT-BTNMT). Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp thông thường phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị chức năng theo quy định.

2. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định.

4. Trồng đủ cây xanh trên phần diện tích theo quy hoạch đã được phê duyệt.

5. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

6. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.